TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:**102**/2025/HC-ST Ngày: 20 - 9 - 2025 V/v "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thìn

2. Bà Lương Thị Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Chang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*:* ông Trần Đình Phi Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/9/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai – cơ sở 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 07/2025/TLST-HC ngày 27/3/2025 về việc "*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2025/QĐST-HC ngày 19/8/2025, giữa các đương sự:

* *Người khởi kiện:* Bà Lê Thanh H, sinh năm 1968; địa chỉ: số F H, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, TP .) (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thanh N, sinh ngày 26/07/1969; địa chỉ: 87/19/8 tổ G, khu phố A, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. (nay là phường T, TP .) (có mặt)

* *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố Đ;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: phường B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt)

* *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ tỉnh Bình Phước

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ: phường B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt)

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đ, tỉnh Bình Phước;

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Trung tâm Phát triển quỹ đất chi nhánh Đ; địa chỉ: phường B, tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt)

3. Liên danh Phúc An Khang B – L (nay là Công ty Cổ phần P; địa chỉ: B N, khu phố P, phường B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Lê Thanh H trình bày:

Ngày 20/06/2024, UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước đã tiến hành chi trả số tiền bồi thường do thu hồi đất cho bà H với tổng số tiền đền bù là 386.652.049 đồng theo Quyết định số 366/QD-UBND của UBND thành phố Đ. Bà H đã nhận đủ số tiền này.

Tuy nhiên, đến ngày 11/09/2024, bà H đã nộp đơn kiến nghị đề nghị UBND thành phố Đ giải quyết phải chi trả tiền lãi phát sinh khi chậm chỉ trả tiền đền bù theo qui định của pháp luật. UBND thành phố Đ đã nhận được đơn kiến nghị của bà vào ngày 11/09/2024. Sau đó, bà nhận được văn bản số 4043/UBND-TD ngày 01/10/2024 của UBND thành phố Đ về việc đề nghị các cơ quan chuyên môn của UBND thành phố Đ tham mưu giải quyết kiến nghị nêu trên của bà nhưng đến nay đã hơn 04 tháng mà UBND thành phố Đ vẫn chưa giải quyết yêu cầu của bà.

Do đó, bà H khởi kiện đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) giải quyết:.

Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết yêu cầu của bà H về việc chi trả tiền lãi phát sinh khi chậm chỉ trả tiền đền bù theo qui định của pháp luật của UBND thành phố Đ là trái pháp luật.

Buộc UBND thành phố Đ phải thực hiện việc chi trả tiền lãi phát sinh khi chậm chỉ trả tiền đền bù theo qui định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai thống nhất trình bày:

1. Quá trình thực hiện công tác chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà Lê Thanh H:

Trường hợp bà Lê Thanh H được UBND thành phố Đ phê duyệt phương án bồi thường tại Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 8) dự án: Khu D (giai đoạn 2). Tổng

số tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Lê Thanh H là: 386.652.049 đồng. Ngày 07/3/2022, 24/3/2022 và ngày 21/4/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã gửi Công văn số 49/TTPTQD, 77/TTPTQĐ và Công văn số 115/TTPTQĐ đề nghị Công ty Cổ phần P chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ để Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố chi trả cho các hộ dân theo Quyết định trên.

Sau khi UBND thành phố Đ phê duyệt Phương án bồi thường, bà Lê Thanh H không đồng ý nhận tiền, cụ thể: Ngày 06/4/2022, Hội đồng bồi thường trao đổi, vận động, đề nghị bà H nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tại buổi làm việc, bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh N dự và bà N không đồng ý nhận tiền bồi thường. Tiếp đến ngày 08/4/2022 và ngày 22/9/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã Thông báo chi tiền bồi thường, hỗ trợ lần 1 và lần 2 đề nghị bà Lê Thanh H đến tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố nhận tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Khu D (giai đoạn 2) nhưng bà H vẫn không nhận tiền.

Đến ngày 28/10/2022, bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh N liên hệ nhận tiền bồi thường. Theo đó, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố tiếp tục có Công văn số 344/TTPTQĐ ngày 28/10/2022 đề nghị Công ty Cổ phần P (đại diện Nhà đầu tư) chuyển kinh phí bồi thường, hỗ trợ đã được phê duyệt theo Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 và Quyết định số 2289/QĐUBND ngày 28/10/2022 để chi trả cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Công ty chưa bố trí được kinh phí. Ngày 04/3/2024, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước thông báo về việc thụ lý vụ án "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" của bà Lê Thanh H, nội dung khởi kiện: Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Đ chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Khu D (giai đoạn 2) và trả lãi của khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường tính từ ngày 03/4/2022 cho đến khi nhận được số tiền bồi thường. Sau quá trình hòa giải tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, bà Lê Thanh H thống nhất rút đơn khởi kiện và Liên danh Công ty L (Nhà đầu tư) sắp xếp bố trí vốn để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà.

Đến ngày 20/6/2024, Liên danh Công ty L - Trung Chính bố trí vốn và Trung tâm P1 đã thực hiện thủ tục chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định số 366/QĐ- UBND ngày 03/3/2022 về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (đợt 8) dự án: Khu D (giai đoạn B) cho bà Lê Thanh H với số tiến là 386.652.049 đồng. Đồng thời cùng ngày 20/6/2024, bà H có đơn xin rút đơn khởi kiện tại Tòa án.

2. Đối với nội dung giải quyết kiến nghị của bà Lê Thanh H

Ngày 11/9/2024, Ban tiếp công dân Văn phòng UBND thành phố Đ nhận được 01 đơn kiến nghị của bà H về việc đề nghị giải quyết tiền lãi phát sinh khi chậm trả tiền đền bù. Sau khi nhận được đơn kiến nghị của bà H, ngày 01/10/2024, UBND thành phố ban hành Công văn số 4043/UBND- TD về việc tham mưu giải

quyết kiến nghị của bà Nguyễn Thanh N, bà Lê Thanh H, ông Võ Minh S, trong đó giao Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ trì, phối hợp với Phòng T, UBND phường T và các đơn vị có liên quan xem xét, đề xuất hướng giải quyết nội dung đơn đề nghị của bà Lê Thanh H, ông Võ Minh S, bà Nguyễn Thanh N.

Theo Báo cáo số 78/BC-TTPTQĐ ngày 19/6/2025 của Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố về việc phối hợp tham mưu phúc đáp nội dung yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh (vụ bà Nguyễn Thanh N, ông Võ Minh S, bà Lê Thanh H) dự án Khu D (giai đoạn 2), trong đó có nội dung như sau: "Để có cơ sở tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố, ngày 04/11/2024, Trung tâm đã phát hành Giấy mời số 188/GM-TTPTQĐ mời các đơn vị gồm Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân phường T, Nhà đầu tư-Công ty Cổ phần P dự họp xem xét, đề xuất hướng giải quyết nội dung đơn đề nghị của các ông, bà: bà Lê Thanh H, bà Nguyễn Thanh N, ông Võ Minh S; nội dung đơn: đề nghị trả tiền lãi suất chậm trả do chậm chi tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Khu D (giai đoạn 2) (có Giấy mời kèm theo).

Tại buổi làm việc ngày 07/11/2024, Nhà đầu tư có tham dự, tuy nhiên Nhà đầu tư chưa thống nhất quan điểm và chưa ký biên bản thống nhất hướng giải quyết kiến nghị trả tiền lãi suất chậm trả do chậm chi tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Lê Thanh H, bà Nguyễn Thanh N và ông Võ Minh S nên đến nay Trung tâm chưa có báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố theo chỉ đạo tại Công văn số 4043/UBND-TD ngày 01/10/2024.".

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì về thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đ. Đối với trách nhiệm thực hiện bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Tuy nhiên, căn cứ điểm e khoản 4 Điều 29 Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 30/03/2018 của UBND tỉnh B ban hành quy định về chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bản tỉnh Bình Phước quy định trách nhiệm Chủ đầu tư: "e. Đảm bảo kịp thời, đầy đủ kinh phí để chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Căn cứ Quyết định số 2461/QĐ-UBND ngày 24/10/2018 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất Khu dâ lịch hồ S (giai đoạn 2); Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 04/6/2019

của UBND tỉnh B phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện đứ án đầu tư có sử dụng đất: Khu D (giai đoạn 2). Theo đó, Liên danh Phúc An Khang B - L - Trung Chính là Nhà đầu tư thực hiện dự án. Theo nội dung Hợp đồng số 679/2019/HĐ/PAKBP-UBNDBP tháng 6/2019 thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất của dự án Khu D (giai đoạn 2) giữa UBND tỉnh B (ủy quyền Sở Xây dựng đại diện) và Liên danh Phúc An Khang B - LICOGI 13 - Trung Chính (Nhà đầu tư) quy định nghĩa vụ của Nhà đầu tư như sau: - Tại khoản 2 Điều 6 quy định về nghĩa vụ của Nhà đầu tư (bên B): Tại mục 2.8 quy định "Bảo đảm nguồn tài chính để thực hiện dự án theo đúng tiến độ đã được phê duyệt." và tại mục 2.18 quy định: "Tuân thủ cam kết bố trí vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng theo tiến độ trong phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được phê duyệt."

Tại khoản 2 Điều 9 quy định: "2. Giải ngân chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: Căn cứ phương án chi tiết bồi thường, giải phóng mặt bằng được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, giải phóng mặt bằng, Bên B phải nộp số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được duyệt cho Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.".

Do đó, nguyên nhân chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân là do Nhà đầu tư chậm bố trí vốn nên Nhà đầu tư có trách nhiệm phải chi trả tiền lãi đối với khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H1, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Đ thống nhất trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H1 thống nhất với ý kiến của UBND thành phố Đ, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần P trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H, Công ty đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thụ lý giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: bà Lê Thanh H khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực

quản lý đất đai về việc yêu cầu buộc UBND thành phố Đ phải trả lãi của khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường của bà Lê Thanh H theo quy định. Tuy nhiên, hành vi hành chính này bà H nhận biết được vào ngày 28 tháng 10 năm 2022 (ngày yêu cầu tính tiền chậm chi trả), ngày 24 tháng 10 năm 2023 (ngày khiếu nại). Như vậy, tính đến thời điểm bà Lê Thanh H khởi kiện lại ngày 24 tháng 12 năm 2024 là đã quá thời hạn 01 năm nên hết thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116, điểm g khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H về việc "*yêu cầu UBND thành phố Đ (người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B) chi trả tiền lãi phát sinh khi chậm chi trả tiền đền bù do thu hồi đất*; lý do thời hiệu khởi kiện đã hết và đình chỉ giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện bà Lê Thanh H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên:

- Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết yêu cầu về việc chi trả tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) phải trả lãi của khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho bà Lê Thanh H theo quy định của pháp luật.

Đây là các hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 và Điều 7 Luật Tố tụng hành chính.

[2]. Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/6/2024, UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước mới thực hiện việc chi trả tiền bồi thường về thu hồi đất đối với bà Lê Thanh H với tổng số tiền 386.652.049 đồng theo Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 03/3/2022 của UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Ngày 11/9/2024, UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) (sau đây viết tắt là UBND thành phố Đ) đã nhận đơn kiến nghị đề nghị UBND thành phố Đ giải quyết tiền lãi phát

sinh khi chậm chi trả tiền đền bù của bà H nhưng không giải quyết. Ngày 24/12/2024, bà H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai) đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

Do đó, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc bà H không còn quyền khởi kiện vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ cho người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện là UBND thành phố Đ, tỉnh Bình Phước là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ là Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần P nhưng vắng mặt; Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai và Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đ - Chi nhánh Đ có đơn xin vắng mặt. Tại phiên toà, có sự có mặt của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết yêu cầu về việc chi trả tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (nay là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) là trái pháp luật

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Ngày 20/06/2024, UBND thành phố Đ đã thực hiện việc chi trả tiền bồi thường về thu hồi đất đối với bà Lê Thanh H với tổng số tiền 386.652.049 đồng theo Quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 03/3/2022.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thanh H là bà Nguyễn Thanh N đã nhận đủ số tiền đền bù. Tuy nhiên, bà H cho rằng việc chi trả trên là quá thời hạn quy định, dẫn đến phát sinh quyền được nhận tiền lãi do chậm chi trả theo quy định tại Điều 93 Luật Đất đai 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành nên ngày 11/09/2024, bà H (thông qua đại diện theo ủy quyền là bà N) có đơn kiến nghị gửi UBND thành phố Đ, đề nghị giải quyết việc chi trả tiền lãi do chậm chi trả. Ban tiếp công dân Văn phòng UBND thành phố Đ đã nhận đơn này.

Sau khi nhận đơn, UBND thành phố Đ đã có Văn bản số 4043/UBND-TD

ngày 01/10/2024 về việc giao cơ quan chuyên môn tham mưu giải quyết. Tuy nhiên, tính đến thời điểm bà H khởi kiện là hơn 04 tháng nhưng UBND thành phố Đ vẫn không ban hành bất kỳ văn bản giải quyết nào, cũng không trả lời công dân bằng văn bản theo đúng quy định của Luật Tiếp công dân và các văn bản pháp luật liên quan.

Quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố Đ (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) cũng thừa nhận chưa có văn bản giải quyết đơn kiến nghị của bà H. Nguyên nhân do ngày 04/11/2024, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Đ (cũ) đã phát hành Giấy mời số 188/GM-TTPTQĐ mời các đơn vị gồm Phòng Nông nghiệp và Môi trường thành phố, Ủy ban nhân dân phường T, Nhà đầu tư-Công ty Cổ phần P dự họp xem xét, đề xuất hướng giải quyết nội dung đơn đề nghị của các ông, bà: bà Lê Thanh H, bà Nguyễn Thanh N, ông Võ Minh S; nội dung đơn: đề nghị trả tiền lãi suất chậm trả do chậm chi tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Khu D (giai đoạn 2) nhưng tại phiên họp ngày 07/11/2024, Nhà đầu tư chưa thống nhất quan điểm và chưa ký biên bản thống nhất hướng giải quyết kiến nghị trả tiền lãi suất chậm trả do chậm chi tiền bồi thường, hỗ trợ của bà Lê Thanh H, bà Nguyễn Thanh N và ông Võ Minh S nên Trung tâm chưa có báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố theo chỉ đạo tại Công văn số 4043/UBND-TD ngày 01/10/2024 và UBND thành phố cũng chưa có văn bản trả lời cho bà H.

Khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân năm 2013 quy định:

"1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một trong các nội dung sau đây:

a) Khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được thụ lý để giải quyết;

b) Việc xem xét khiếu nại, tố cáo để thụ lý cần kéo dài thời gian do cần xác minh thêm theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo;

c) Từ chối thụ lý đối với khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình hoặc không đủ điều kiện thụ lý;

d) Nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đã được chuyển đến cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có thẩm quyền giải quyết."

Như vậy, sau khi nhận được đơn kiến nghị của bà H, UBND thành phố Đ có nghĩa vụ tiếp nhận và giải quyết kiến nghị và phải trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản với bà H về một trong các nội dung như nêu trên. Tuy nhiên, UBND thành phố Đ không có thông báo, cũng không giải quyết kiến nghị của bà H trong thời hạn hợp lý và không đưa ra kết luận, văn bản giải quyết chính thức, là hành vi

hành chính không thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ này thấy yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết yêu cầu về việc chi trả tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) là trái pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) phải trả lãi của khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho bà Lê Thanh H theo quy định của pháp luật:

Ngày 03/3/2022, UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 366/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hộ trợ và tái định cư (đợt 8) dự án: Khu D (giai đoạn 2), trong đó hộ bà Lê Thanh H được tổng số tiền bồi thường là 386.652.049 đồng (Quyết định này ban hành cùng ngày với Quyết định thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013). Tại Quyết định số 366/QĐ-UBND nêu rõ, Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký (ngày 03/3/2022). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 " *Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có hiệu lực thi hành, cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi"* thì trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 03/3/2022, UBND thành phố Đ phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà H (ngày cuối cùng của thời hạn là ngày 02/4/2022).

Ngày 06/4/2022, Hội đồng bồi thường trao đổi, vận động, đề nghị bà H nhận tiền bồi thường và bàn giao mặt bằng. Tại buổi làm việc, bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh N dự và bà N không đồng ý nhận tiền bồi thường. Tiếp đến ngày 08/4/2022 và ngày 22/9/2022, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố đã Thông báo chi tiền bồi thường, hỗ trợ lần 1 và lần 2 đề nghị bà Lê Thanh H đến tại Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố nhận tiền bồi thường, hỗ trợ dự án Khu D (giai đoạn 2) nhưng bà H vẫn không nhận tiền. Đến ngày 28/10/2022, bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thanh N liên hệ nhận tiền bồi thường thì UBND thành phố Đ không chi trả với lý do kinh phí chi trả hiện không có.

Đến ngày 20/6/2024, bà H mới nhận được số tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên là chậm hơn so với thời hạn quy định. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 "*2. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên*

số tiền chậm trả và thời gian chậm trả". Như vậy, UBND thành phố Đ nay là UBND phường B, tỉnh Đồng Nai phải thanh toán cho bà H thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuếtrên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả. Việc UBND thành phố Đ nay là UBND phường B, tỉnh Đồng Nai không chủ động tính toán, chi trả tiền lãi do chậm chi trả tiền bồi thường là không phù hợp với quy định pháp luật và làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà H – người có đất bị thu hồi đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) cho rằng nguyên nhân chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ dân là do Nhà đầu tư chậm bố trí vốn nên Nhà đầu tư có trách nhiệm phải chi trả tiền lãi đối với khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường. Tuy nhiên, việc nhà đầu tư không chuyển tiền kịp thời hoặc không đầy đủ là quan hệ nội bộ giữa cơ quan quản lý nhà nước (UBND thành phố Đ) và doanh nghiệp được giao thực hiện dự án (Công ty Cổ phần P). Việc đó không làm thay đổi trách nhiệm của cơ quan nhà nước đối với người dân bị thu hồi đất trong việc thực hiện chi trả đúng thời hạn tiền bồi thường cho người dân bị thu hồi đất. Trách nhiệm thanh toán tiền chậm trả cho người dân thuộc về cơ quan ban hành quyết định thu hồi đất, không phải trách nhiệm của nhà đầu tư.

Mặt khác, Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) cũng thừa nhận căn cứ điểm a khoản 2 Điều 66, Điều 93 Luật Đất đai 2013 thì về thẩm quyền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố Đ. Trường hợp cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ cho người có đất thu hồi, ngoài tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì người có đất thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Mặc dù ngày cuối cùng của thời hạn mà UBND thành phố Đ phải chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho bà H kể từ ngày 03/3/2022 là ngày 02/4/2022 nhưng do đến ngày 28/10/2022, bà H mới đồng ý đến nhận khoản tiền bồi thường này, do đó thời gian chậm thanh toán được tính từ ngày 28/10/2022 đến ngày 20/6/2024, phù hợp với yêu cầu của phía người khởi kiện.

Do đó, Tòa án thấy cũng đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà H về việc buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai) phải trả lãi của khoản tiền chậm chi trả tiền bồi thường cho bà H theo quy định của pháp luật.

[5] - Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] - Về án phí hành chính sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H được chấp nhận nên bà H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm; Chủ tịch UBND phường B, tỉnh Đồng Nai phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 3; Điều 7, khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ Điều 69, Điều 93 Luật Đất đai năm 2013; Luật Quản lý thuế năm 2019; khoản 1 Điều 28 Luật Tiếp công dân năm 2013; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh H, về việc:

- Tuyên bố hành vi hành chính không giải quyết yêu cầu về việc chi trả tiền lãi phát sinh do chậm chi trả tiền bồi thường của Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai) là trái pháp luật.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai) thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong việc thực hiện thanh toán khoản tiền do chậm chi trả tiền bồi thường cho bà Lê Thanh H tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai trả cho người khởi kiện bà Lê Thanh H số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000107 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đ).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, tỉnh Đồng Nai phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Quyền kháng cáo: các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự và người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, THC, TNV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh